

Bản án số: 282/2018/DS-PT

Ngày: 15/3/2018

V/v “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Ông Lưu Trường Sanh
Bà Trần Thị Quỳnh Châu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 2/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc “Đòi tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 571/2017/DS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2018/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH sản xuất kinh doanh HT.

Địa chỉ: Số M, Quốc lộ 1A, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: A ĐH, phường 8, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Võ Thiện H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: NC, Phường 11, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trang Sĩ X, luật sư thuộc công ty Luật hợp danh TL, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Võ B (chết năm 2008) và bà Lưu Thị M (chết năm 2012):

+ Bà Võ Thủy T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: K đường B, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Võ Thị Thủy N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Y Lạc Long Quân, Phường 11, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Võ Thiện T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: D Quốc lộ 1A, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Võ Thiện H1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: X Lạc Long Quân, Phường 11, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Võ Thị Thiện H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: N Lạc Long Quân, Phường 11, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Võ Thiện H2, sinh năm 1982.

Địa chỉ: X Lạc Long Quân, Phường 11, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bà T, bà N, bà T, ông H1, bà Võ Thị Thiện H, ông H2: Ông Võ Thiện Thông (Xin vắng mặt).

- Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: NC, Phường 11, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Lệ H: Ông Võ Thiện H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: NC, Phường 11, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2010 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh HT và bà Huỳnh Thị Thúy N đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/01/2002 Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh HT (sau đây gọi tắt là Công ty HT) lập Phiếu chi giao cho ông Võ Thiện H là cán bộ kinh doanh của Công ty HT 40 lượng vàng SJC (tương đương với số tiền là 207.800.000 đồng) để ông H trả cho bà Nguyễn Thị M (tên thường gọi là B N). Đây là số tiền do bà M đã đặt cọc để nhận chuyển nhượng 1.000m² của thửa đất số 280, tờ bản đồ số 13 tại xã TT, huyện BC (nguyên toàn bộ thửa đất này có tổng diện tích là 3.710m²) và công ty HT đã thế chấp cho bà M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông KTT, do trước đó công ty HT có nhận chuyển nhượng đất của ông KTT tại huyện BC nên đã giữ giấy tờ đất để làm thủ tục tách thửa. Do giao dịch không thành nên ông HT, khi đó là giám

độc Công ty HT đã chỉ đạo bộ phận kế toán của Công ty HT xuất sổ vàng nêu trên để ông H đưa trả lại cho bà M.

Năm 2005 ông HT chết, sự việc giao dịch chuyển nhượng đất thế nào thì công ty HT không được rõ, chỉ biết rằng sau này ông H về báo cáo lại là do giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên với ông HVD không thành nên yêu cầu ông HT phải trả lại sổ vàng đã nhận của bà M đặt cọc mua đất. Do đó, ông HT đã yêu cầu bộ phận kế toán của công ty giao sổ tiền tương đương 40 lượng vàng SJC để trả cho bà M.

Năm 2008, bà Nguyễn Thị M căn cứ vào giấy nhận cọc mà ông HT đã nhận 40 lượng vàng để khởi kiện đòi Công ty HT trả lại, khi đó Công ty HT mới biết sự việc rằng sau khi nhận sổ vàng 40 lượng thì ông H không chuyển trả cho bà Nguyễn Thị M theo yêu cầu của ông HT, mà ông H trình bày đã đưa cho ông HT nhưng không làm giấy giao nhận.

Sau khi có bản án có hiệu lực của Tòa án, Công ty HT đã thực hiện nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị M 40 lượng vàng nhận cọc nêu trên.

Do đó, Công ty HT khởi kiện yêu cầu ông H phải có trách nhiệm trả lại 40 lượng vàng SJC.

Bị đơn ông Võ Thiện H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ H trình bày:

Trước đây ông là nhân viên của Công ty HT, vào ngày 19/01/2002 ông có nhận 40 lượng vàng do Công ty HT chỉ với lý do là để giao lại cho ông HT. Sau đó, ông đã giao trực tiếp đủ số vàng cho ông HT nhưng không nhớ rõ có làm biên nhận hay không vì sự việc xảy ra đã lâu. Đến ngày 26/01/2002 ông HT kêu ông đến Công ty HT và đích thân ông HT giao cho ông 30 lượng vàng SJC để nhờ ông đưa cho ông Võ B (là em ruột của ông HT), đến ngày 04/4/2002 ông HT giao cho ông 10 lượng vàng SJC để nhờ ông đưa cho ông Võ B, việc giao nhận vàng giữa ông và ông Võ B có lập văn bản, còn việc ông HT 02 lần giao sổ vàng trên cho ông để ông chuyển cho ông Võ B thì chỉ nói miệng, không lập văn bản. Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Thủy T, bà Võ Thị Thủy N, ông Võ Thiện T, ông Võ Thiện H1, bà Võ Thị Thiện H, ông Võ Thiện H2 là những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ B (mất ngày 24/7/2008) do ông Võ Thiện T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông HT và ông Võ B là anh em ruột; quan hệ giữa ông Võ Thiện H với ông HT, ông Võ B là bà con trong họ Võ. Vào năm 1997 ông Võ B có giúp ông HT (với tư cách gia đình) đến năm 2002 thì không còn giúp nữa. Công việc làm ăn của ông Võ B như thế nào thì không rõ và chưa bao giờ ông Võ B nói về công việc làm ăn của mình cho gia đình biết. Việc ông H cung cấp 02 giấy có nội dung nhận vàng ghi ngày 26/01/2002 và ngày 04/4/2002 thì ông đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ B không công nhận chứng cứ này về hình thức lẫn về nội dung. Về hình thức: ông không thể xác định chữ ký trong các giấy biên nhận do ông H cung cấp nêu trên là có

phải do ông Võ B ký hay không. Về nội dung: trong các giấy biên nhận này không thể hiện và chứng minh được có mối liên hệ với số vàng 40 lượng mà ông H đã nhận của Công ty HT để trả cho bà M. Mặt khác, việc giao nhận số vàng có giá trị lớn nhưng ông H không yêu cầu ông HT làm văn bản xác nhận là điều không phù hợp và mâu thuẫn, Nếu như có việc ông Võ B 02 lần viết giấy nhận số vàng 40 lượng từ ông HT thì cũng chỉ là giao dịch cá nhân giữa ông Võ B và ông HT, không liên quan gì đến số vàng ông H đã nhận của Công ty HT để giao trả cho bà M. Ông Võ Thiện T xác định: không chấp nhận đối với 02 tờ giấy có nội dung nhận vàng ghi ngày 26/01/2002 và ngày 04/4/2002 do ông Võ Thiện H cung cấp là chứng cứ vì không đủ cơ sở pháp lý về hình thức lẫn nội dung, không chấp nhận và đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông Võ Thiện H liên quan đến trách nhiệm của ông Võ B. đề nghị Tòa án không cần thiết đưa những người thừa kế của ông Võ B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2013/ST-DS ngày 26/3/2013 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình và tại bản án dân sự phúc thẩm số 912/2013/DSPT ngày 24/7/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: buộc ông Võ Thiện H có trách nhiệm trả lại cho Công ty HT số tiền 1.750.000.000 đồng. Ông H có trách nhiệm hoàn lại Công ty HT 1.122.000đ chi phí giám định; các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 61/2016/DS-GĐT ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án dân sự phúc thẩm số 912/2013/DSPT ngày 24/7/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án dân sự sơ thẩm số 06/2013/ST-DS ngày 26/3/2013 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án sơ thẩm số 571/2017/DS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 236, Điều 256, Điều 280, Điều 281, Điều 283, Điều 285 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2014;
- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm b mục 2 Phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009).

Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ Thiện H có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Kinh doanh HT số tiền 1.464.800.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng*).

2. Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Kinh doanh HT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm thi hành số tiền nêu trên thì hàng

tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí giám định: ông Võ Thiện H có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 1.122.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi hai ngàn đồng*).

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

4. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2016/QĐ-BPBD ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Sản xuất - Kinh doanh HT được nhận lại số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) từ tài khoản đã được phong tỏa của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh 8/3 – Phòng giao dịch Phong Lan.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Thiện H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.944.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*).

7. Hoàn lại án phí tạm nộp cho Công ty TNHH Sản xuất - Kinh doanh HT 28.200.000 đồng (*Hai mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0012203 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Ngày 24/11/2017, bị đơn là ông Võ Thiện H có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét mối quan hệ giao dịch giữa ông H với ông HT, ngoài việc ông H là nhân viên thì còn là mối quan hệ gia tộc nên việc giao nhận tiền vàng giữa hai bên không làm biên nhận. Suốt thời gian dài từ tháng 01 năm 2002 đến lúc ông HT chết năm 2005, ông HT không khiếu nại, con ông HT là cô V là thủ quỹ cũng phải biết việc chi 40 lượng vàng này, nếu ông HT không nhận số vàng này thì ông phải khiếu nại để đòi lại. Nguyên đơn cho rằng số vàng này để trả tiền mua đất của bà M là không có căn cứ, vì thiếu

chỉ không ghi nội dung này. Đề nghị đưa ông Nguyễn H tham gia tố tụng để làm rõ mối quan hệ giữa ông H, ông Nguyễn H, ông Võ và ông HT.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày: Khoản vàng theo Phiếu chi là chỉ cho ông HT, nếu ông H chưa trả thì ông HT phải biết và đòi chứ không để thời gian kéo dài như vậy. Đề nghị cho bị đơn kiện ông Võ B để giải quyết đối trừ vào trách nhiệm của ông H với Công ty HT. Đề nghị đưa ông Nguyễn H tham gia tố tụng, trường hợp cần thiết thì hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng: Chấp nhận yêu cầu miễn án phí cho ông H vì ông H là người cao tuổi thuộc diện đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ.

[2] Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ, việc tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp tại vụ án là “Đòi lại tài sản” là chính xác.

[4] Công ty HT có chi 40 lượng vàng theo Phiếu chi ngày 19/01/2002 cho ông H để trả lại tiền cọc cho bà M (Bốn Ngũ). Tại Phiếu chi ngày 19/01/2002 thể hiện người nhận 40 lượng vàng là ông Võ Thiện H. Quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng thừa nhận có nhận số vàng của Công ty theo phiếu chi này. Như vậy có căn cứ xác định vào ngày 19/01/2002, ông H có nhận 40 lượng vàng của Công ty HT.

[5] Theo nguyên đơn thì số vàng này xuất chi cho ông H để trả lại tiền cọc cho bà M (Bốn Ngũ), nhưng do ông H chưa trả cho bà M nên bà M khởi kiện và Công ty đã phải đứng ra thi hành án trả cho bà M số vàng này. Nay ông H phải trả lại 40 lượng vàng cho Công ty.

[6] Ông H cho rằng sau khi nhận số vàng của Công ty, ông đã giao lại cho ông HT, nhưng do là quan hệ gia tộc nên không làm giấy tờ biên nhận. Xét khi nhận vàng thì ông H phải ký nhận trong phiếu chi, nhưng khi giao vàng cho ông HT thì ông H không có giấy tờ biên nhận để chứng minh. Nguyên đơn không thừa nhận việc ông HT có nhận số vàng từ ông H, vì vậy ông H phải chịu trách nhiệm đối với số vàng mà ông đã ký nhận của Công ty. Việc lúc còn sống ông HT không khiếu kiện ông H đối với số vàng này thì cũng không là chứng cứ để chứng minh cho việc ông H đã giao trả vàng như kháng cáo của ông H nêu.

[7] Ông H cho rằng số vàng ông đã giao cho ông HT, sau đó ông HT giao cho ông để ông đưa cho ông Võ B làm hai lần, ngày 26/1/2002 là 30 lượng và ngày 04/4/2002 là 10 lượng. Xét nội dung hai giấy giao nhận vàng giữa ông H với ông Võ B không chứng minh được có sự liên quan với số vàng ông H nhận của Công ty theo phiếu chi ngày 19/01/2002, như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Nguyên đơn là Công ty HT không thừa nhận có sự liên quan gì đối với giao dịch giữa ông H với ông Võ B, đồng thời xác định ngoài lần chi vàng cho ông H này thì không có lần nào ông H và Công ty HT có giao nhận số vàng tương đương 40 lượng. Bản án sơ thẩm nhận định đối với hai giấy nhận vàng ngày 26/1/2002 và ngày 04/4/2002 thì ông H có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Xét giao dịch giữa ông H với ông Võ B không được Công ty chấp nhận. Ông trực tiếp ký và nhận số vàng của Công ty nên phải trả cho Công ty, còn việc ông có giao số vàng cho người khác, nay Công ty không thừa nhận và cũng không có đương sự nào yêu cầu giải quyết tại vụ án này, do đó án sơ thẩm nhận định dành quyền khởi kiện đối với nội dung này cho ông H là phù hợp.

[8] Đối với yêu cầu của ông H và Luật sư đề nghị Tòa án đưa ông Nguyễn H tham gia tố tụng. Xét tại cấp sơ thẩm đã xác minh địa chỉ của ông Nguyễn H do bị đơn cung cấp nhưng ông Nguyễn H không cư trú tại địa chỉ này. Lời khai của ông H tại Biên bản hòa giải ngày 12/10/2012 xác định ông Nguyễn H chỉ là người viết (giấy biên nhận) dùm theo yêu cầu của ông Võ B, ông giao vàng cho ông Võ B chứ không giao cho ông Nguyễn H. Mặt khác, như nhận định tại Bản án sơ thẩm, đối với hai giấy giao nhận vàng ngày 26/1/2002 và ngày 04/4/2002 thì ông H có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Do đó việc không đưa ông Nguyễn H tham gia tố tụng trong vụ án này không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

[9] Từ những cơ sở chứng cứ nhận định trên, xét án sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ pháp luật. Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Luật sư, như ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[10] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H đề nghị được xét miễn án phí nếu kết quả xét xử ông phải chịu án phí, vì ông là người cao tuổi. Xét

thấy ông H sinh năm 1945, theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông thuộc diện được miễn án phí, do đó chấp nhận miễn án phí cho ông H. Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm nên sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông H không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 256, Điều 280, Điều 281, Điều 283, Điều 285 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Thiện H; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 571/2017/DS-ST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình về án phí.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ Thiện H có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Kinh doanh HT số tiền 1.464.800.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng*).

2. Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Kinh doanh HT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí giám định: Ông Võ Thiện H có trách nhiệm hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Kinh doanh HT số tiền 1.122.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi hai ngàn đồng*).

4. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2016/QĐ-ADBPCKTT ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2016/QĐ-BPBD ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Sản xuất - Kinh doanh HT được nhận lại số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) từ tài khoản đã được phong tỏa của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh 8/3 – Phòng giao dịch Phong Lan.

6. Về án phí sơ thẩm: Miễn số tiền án phí 55.944.000 đồng cho ông Võ Thiện H.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Sản xuất - Kinh doanh HT 28.200.000 đồng (*Hai mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2016/0012203 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Án phí phúc thẩm: Ông Võ Thiện H không phải chịu; Trả lại số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng cho ông Võ Thiện H (Biên lai thu AA/2017/0007343 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Giảng